Khu BTTN Krông Trai

Tên khác
Suối Trai, Tây Sơn
Tỉnh
Phú Yên
Tình trang
Quyết định
Ban quản lý được thành lập
Có
Vĩ độ
13^{0}01' - 13^{0}10' vĩ độ Bắc
Kinh độ
108^{0}46' - 108^{0}57' kinh độ Đông
Vùng địa lý sinh học
05b - Nam Trung Bộ

Tình trạng bảo tồn

Ngày 22/11/1979, Uỷ ban nhân dân tỉnh Phú Khánh đã quyết định thành lập khu rừng cấm Tây Sơn với tổng diện tích là 19.800 ha (Anon. 1990). Đến năm 1986, khu vực ngày đã được ghi trong Quyết định 194/CT, ngày 9/8/1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, với diện tích 19.000 ha và có tên là khu bảo tồn thiên nhiên Suối Trai (Bộ NN và PTNT 1997). Uỷ ban Nhân dân tỉnh Phú Khánh đã ra quyết định thành lập ban quản lý khu bảo tồn ngày 14/11/1986.

Năm 1990 một dự án đầu tư thành lập khu bảo tồn thiên nhiên được xây dựng và khu bảo tồn lấy tên là Krông Trai với diện tích 22.290 ha (Anon. 1990). Dự án đầu tư đã được Uỷ ban Nhân dân tỉnh Phú Yên thẩm định theo công văn số 461/LN, ngày 30/11/1990 (Anon. 1990). Dự án đầu tư cũng đã được Bộ Lâm nghiệp phê duyệt (Cục Kiểm lâm 1998).

Năm 1995, dự án đầu tư cho Khu bảo tồn thiên nhiên này được chỉnh sửa lại diện tích khu bảo tồn được nâng lên 27..290 ha và cũng đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Phú Yên phê duyệt tong văn số 579/QĐ-UB, ngày 30/12/1995, và được Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn phê duyệt theo Quyết định số 472/KH, ngày 8/3/1995 (Ban quản lý Khu Bảo tồn Thiên nhiên Krông Trai 2000).

Địa hình và thủy văn

Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai nằm ở khu vực chuyển tiếp giữa vùng cao nguyên và vùng đồng bằng ven biển miền Trung Việt Nam. Khu bảo tồn có 2 dạng địa hình chính. Phía đông và đông bắc khu bảo tồn có dạng địa hình đồi núi thấp, gồm các đỉnh Mò O (574 m), Hà Gian (431 m), Cà Te (560 m), Hòn Đất (590 m, Hòn O (574 m) và Hòn Tạo (414 m). Phần còn lại có dạng địa hình bằng phẳng có rải rác một số đồi thấp với độ cao tuyệt đối khoảng 150 m.

Các con suối phía đông khu bảo tồn chảy về sông Đà Rằng. Còn các suối ở phía tây chảy vào sông Ba. Hầu hết các con suối này đều trở thành suối cạn trong mùa khô, trừ một diện tích nhỏ là đầm lầy ở phía tây nam của khu bảo tồn.

Đa dạng sinh học

Theo dự án đầu tư thì khu bảo tồn có 16.005 ha rừng tự nhiên, chiếm 72% tổng diện tích. Trong khu bảo tồn có 3 kiểu thảm thực vật chính là: rừng kín thường xanh (1.003 ha), rừng nửa rụng lá (7.111 ha) và rừng rụng lá (7.891 ha). Ngoài ra,

trong khu bảo tồn còn có các sinh cảnh khác như trảng cỏ, trảng cây bụi và đầm lầy (Anon. 1990).

Rừng kín thường xanh phân bố ở các đỉnh cao với ưu thế thuộc về các loài trong họ Dầu Dipterocarpaceae và họ Đậu Fabaceae. Rừng nửa rụng lá phân bố ở các khu vực có độ cao thấp hơn rừng thường xanh và là đối tượng phát rừng làm nương rẫy, cháy rừng và khai thác gỗ. Trong kiểu rừng nửa rụng lá, ưu thế thuộc về các loài săng lẻ *Lagerstroemia calyculata* và thành ngạnh *Cratoxylon formosum.* Rừng rụng lá phân bố rải rác trong khu vực với ưu thế thuộc các loài quành quạch *Dalbergia nigrescens*, giáng hương quả to *Pterocarpus macrocarpus*, cóc *Lannea coromandelica*, vừng *Careya sphaerica*, lòng mang *Sterospermum cylindricum* và thành ngạnh *Cratoxylon formosum* (Anon. 1990).

Cũng theo dự án đầu tư năm 1990, đã ghi nhận cho khu hệ thực vật của Krông Trai 236 loài thực vật bậc cao có mạch. Các họ có nhiều loài nhất là họ thầu dầu Euphorbiaceae, vang Caesalpiniaceae, hòa thảo Poaceae, đậu Fabaceae và họ trinh nữ Moraceae. Trong số các loài thực vật phát hiện trong khu vực, có ít nhất 9 loài được ghi trong *Sách đỏ Việt Nam*, trong đó có các loài trầm hương *Aquilaria crassna*, cẩm lai bà rịa *Dalbergia bariensis*, trắc nam bộ *D. cochinchinensis*, trắc trung *D. annamensis*. Ngoài ra, trong khu vực còn có một số loài thực vật có giá trị kinh tế cao như các loài song mây, cây thuốc (Anon. 1990).

Bước đầu đã thống kê được 262 loài động vật có xương sống ở cạn, trong đó có 50 loài thú, 182 loài chim, 22 loài bò sát và 8 loài lưỡng cư. Các loài có tầm quan trọng đặc biệt đối với bảo tồn trong khu vực gồm có: Bò rừng *Bos javanicus*, Bò tót *B. gaurus*, Công *Pavo muticus* và Trĩ sao *Rheinardia ocellata* (Anon. 1990). Tuy nhiên, tình trạng của các loài trên hiện tại không được rõ. Duckworth và Hedges (1998) cho biết vẫn có các dấu hiệu cho thấy Bò rừng và Bò tót còn tồn tại ở Krông Trai, có thể chỉ là "tạm thời". Trước đây, Krông Trai là khu vực nổi tiếng với loài Cá sấu nước ngọt *Crocodylus siamensis* (Vũ Văn Dũng pers. comm.), nhưng đến nay không có dấu hiệu nào chứng tỏ loài này còn tồn tại trong khu vực.

Các vấn đề về bảo tồn

Vùng đệm của khu bảo tồn có diện tích 5.344 ha nằm trong các xã Sơn Phước, Krông Pa, Suối Bắc và Tà Hu. Tổng dân số sống trong vùng đệm là 1.375 người, trong khi đó dân số sống trong khu bảo tồn là 3.184 người (Ban Quản lý Khu Bảo tồn Thiên nhiên Krông Trai 2000). Dân cư sống trong khu bảo tồn và vùng đệm chủ yếu là dân tộc Ê Đê có cuộc sống phụ thuộc nhiều vào tài nguyên rừng.

Ban Quản lý Khu Bảo tồn Thiên nhiên Krông Trai cho rằng sức ép chính đối với khu bảo tồn là việc xâm chiếm đất đai và phá rừng làm nương rẫy của các cộng đồng dân cư trong khu vực (Ban Quản lý Khu Bảo tồn Thiên nhiên Krông Trai 2000).

Các giá trị khác

Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai nằm trên vùng hạ lưu sông Ba, nên cũng đã và đang góp phần tham gia phòng hộ vùng thượng lưu con sông này.

Các dự án có liên quan

Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai đã được đầu tư bởi các nguồn tài chính như: Chương trình 327 theo Quyết định Số 579/QĐ của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Phú Yên ngày 30/12/1995, Chương trình 661 (Chương trình 5 triệu hecta rừng) theo Quyết định Số 200/QĐ-UB của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Phú Yên ngày 12/6/1999 (Ban Quản lý Khu Bảo tồn Thiên nhiên Krông Trai 2000).

Tài liệu tham khảo

Anon. (1990) [Investment plan for Krong Trai Nature Reserve, Son Hoa district, Phu Yen province]. Tuy Hoa: Phu Yen Provincial Forest Protection Department. In Vietnamese.

Duckworth, J. W. and Hedges, S. (1998) Tracking tigers: a review of the status of Tiger, Asian Elephant, Gaur and Banteng in Vietnam, Lao, Cambodia and Yunnan province (China) with

recommendations for future conservation action. Hanoi: WWF Indochina Programme.

Krong Trai Nature Reserve Management Board/Ban Quản lý Khu Bảo tồn Thiên nhiên Krông Trai (2000) [FPD questionnaire]. Eacharang: Krong Trai Nature Reserve Management Board. In Vietnamese.

Scott, D. A. (1989) A directory of Asian wetlands. Gland: IUCN.